|  |  |
| --- | --- |
| [**DOCTAILIEU.COM**](https://doctailieu.com/de-thi-thu-thpt-quoc-gia-2020-mon-dia-ma-324) | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN ĐỊA LÍ****Mã đề 319***Thời gian làm bài 50 phú*t----------------------- |

**Phần 1: Đề Thi**

**Câu 1**. Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa tới vùng núi đá vôi là

     A.tạo nên các hang động ngầm, suối cạn, thung khô.
     B.bào mòn lớp đất trên mặt nên đất xám bạc màu.
     C.làm bề mặt địa hình bị cắt xẻ mạnh.
     D.tạo nên các hẻm vực, khe sâu, sườn dốc.

**Câu 2**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết mật độ dân số nước ta cao nhất là ở vùng nào sau đây?

     A.Hải đảo.
     B.Trung du.
     C.Miền núi.
     D.Đồng bằng.

**Câu 3**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

     A.Bình Định.
     B.Hà Tĩnh.
     C.Quảng Ngãi.
     D.Nghệ An.

**Câu 4**. Đặc điểm không được xét làm tiêu chí để phân loại đô thị nước ta là

     A.số dân của đô thị
     B.chức năng đô thị.
     C.tốc độ gia tăng dân số đô thị.
     D.tỉ lệ dân phi nông nghiệp.

**Câu 5**. Trong ngành trồng trọt, xu hướng là giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp với mục đích

     A.phát huy lợi thế về đất đai, khí hậu.
     B.chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.
     C.đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.
     D.nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp.

**Câu 6**. Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ ?

     A.Gió mùa Đông Bắc.
     B.Gió mùa Tây Nam.
     C.Gió Phơn Tây Nam.
     D.Tín Phong bán cầu Bắc.

**Câu 7**. Năm nước đầu tiên gia nhập ASEAN là

     A.Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, Sin-ga-po.
     B.Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Philip-pin, Việt Nam.
     C.Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Philip-pin, Sin-ga-po.
     D.Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Philip-pin, Sin-ga-po.

**Câu 8**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết ở vùng Tây Nguyên cửa khẩu quốc tế Bờ Y thuộc tỉnh nào sau đây?

     A.Gia Lai.
     B.Đắk Lắk.
     C.Kon Tum.
     D.Đắk Nông.

**Câu 9**. Bộ phận được coi như phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta là

     A.nội thủy.
     B.đặc quyền kinh tế.
     C. lãnh hải.
     D.tiếp giáp lãnh hải.

**Câu 10**. Nước ta không có đường biên giới trên biển với các nước là

     A.Campuchia
     B.Lào.
     C.Trung Quốc.
     D.Thái Lan.

**Câu 11**. Căn cứ vào Atlat Đia lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

     A.Con Voi.
     B.Tam Điệp.
     C.Pu Sam Sao.
     D.Hoàng Liên Sơn.

**Câu 12**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường quốc lộ nối đồng bằng sông Hồng với tỉnh Quảng Ninh là các tuyến

     A.quốc lộ 18 và 4B.
     B. quốc lộ 10 và 5.
     C.quốc lộ 1A và 4A.
     D. quốc lộ 10 và 18.

**Câu 13**. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ không có ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây?

     A.Gỗ, giấy, xenlulô.
     B.Giấy,in, văn phòng phẩm.
     C.Dệt,may
     D.Da, giày.

**Câu 14**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết bão tập trung nhiều nhất vào tháng nào trong năm?

     A.Tháng XI.
     B.Tháng IX.
     C.Tháng VIII.
     D.Tháng X.

**Câu 15**. Nơi nào sau đây ở nước ta có động đất biểu hiện mạnh nhất?

     A.Đông Bắc.
     B.Miền Trung.
     C.Tây Bắc.
     D.Nam Bộ.

**Câu 16**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây không giáp biển?

     A.Ninh Bình.
     B.Sóc Trăng.
     C.Hà Nam.
     D.Thái Bình.

**Câu 17**. Đây là khu vực chiếm tỉ trọng rất nhỏ nhưng lại tăng rất nhanh trong cơ cấu sử dụng lao động ở nước ta

     A.kinh tế Nhà nước.
     B.kinh tế ngoài Nhà nước.
     C.kinh tế cá thể.
     D.kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 18**. Đặc điểm nào sau đây không đúng với khu vực kinh tế Nhà nước?

     A.Tỉ trọng trong cơ cấu GDP ngày càng giảm.
     B.Tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu GDP.
     C.Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.
     D.Quản lí các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.

**Câu 19**. Đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long có chung một đặc điểm là

     A.có hệ thống đê ngăn lũ ven sông.
     B.có địa hình thấp và chia cắt.
     C.hình thành và phát triển do phù sa sông bồi tụ.
     D.có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

**Câu 20**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các hệ thống sông?

     A.Sông Thu Bồn.
     B.Sông Thái Bình.
     C. Sông Gianh.
     D.Sông Ba.

**Câu 21**.Cho biểu đồ:



*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê 2017)*

Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về tốc độ tăng trưởng một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam ?

     A.Hàng dệt, may có tốc độ tăng trưởng nhanh thứ hai trong giai đoạn 2000 - 2015.
     B.Hàng điện tử luôn có tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2000 - 2015.
     C.Hàng thủy sản có tốc độ tăng chậm hơn so với hai mặt hàng còn lại.
     D.Nếu chỉ tính trong giai đoạn 2000 - 2010 thì hàng dệt, may đạt tốc độ tăng trưởng caonhất.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết vùng đồng bằng sông Cửu Long có các khu kinh tế ven biển nào sau đây ?

     A.Định An, Năm Căn, Phú Quốc.
     B.Định An, Năm Căn, Nhơn Hội.
     C.Định An, Năm Căn, Vân Phong.
     D.Định An, Năm Căn, Dung Quất.

**Câu 33**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết những trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất công nghiệp dưới 9 nghìn tỉ đồng?

     A. Hải Dương, Hưng Yên, Phúc Yên.
     B. Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng.
     C. Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định.
     D. Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh

**Câu 24**. Nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông phẩm hàng hóa ở nước ta giai đoạn hiện nay là

     A. lực lượng lao động.
     B. thị trường.
     C. khoa học kĩ thuật.
     D. tập quán sản xuất.

**Câu 25**. Việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước mang lại ý nghĩa nào sau đây?

     A. Thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở nước ta.
     B. Nhằm thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.
     C. Nhằm sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác tài nguyên.
     D. Đảm bảo cho dân cư giữa các vùng lãnh thổ phân bố đều hơn.

**Câu 26**. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều ở đồng bằng lớn nước ta ?

A. Cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt.
B.Có nhiều mặt bằng để tập trung chuồng trại.
C.Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến thịt.
D.Nhu cầu thịt ,trứng của dân cư lớn.

**Câu 27**. Cho bảng số liệu:

**XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, GIAI ĐOẠN 2010-2016**

*( Đơn vị : triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2012 | 2014 | 2016 |
| Xuất khẩu | **183,5** | **225,7** | **210,5** | **181,5** |
| Nhập khẩu | **169,2** | **229,4** | **217,5** | **179,7** |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2010 - 2016?

     A.Giai đoạn 2010 đến 2016 đều xuất siêu.
     B.Giá trị xuất siêu năm 2010 lớn hơn năm 2016.
     C.Giá trị xuất khẩu lớn hơn giá trị nhập khẩu.
     D.Giai đoạn 2010 đến 2016 đều nhập siêu

**Câu 28**. Cho biểu đồ về dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 – 2015


*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê 2017)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

     A. Cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.
     B. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.
     C. Quy mô và cơ cấu sản lượng dầu thô, điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.
     D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.

**Câu 29**. Nguyên nhân chủ yếu làm cho nghề nuôi tôm nước ta phát triển “bùng nổ” trong những năm gần đây là

     A. điều kiện nuôi rất thuận lợi, kỹ thuật nuôi ngày càng được cải tiến.
     B. thị trường có nhu cầu ngày càng lớn và mở rộng, nhất là thị trường nước ngoài.
     C. giá trị thương phẩm được nâng cao nhờ công nghiệp chế biến phát triển.
     D. chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản của Nhà nước.

**Câu 30**. Nguyên nhân làm cho quá trình đô thị hóa hiện nay ở nước ta phát triển là

     A. thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài.
     B. nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường .
     C. hội nhập quốc tế và khu vực.
     D. quá trình công nghiệp hóa được đẩy mạnh.

**Câu 31**. Nguyên nhân làm cho hiệu quả ngành chăn nuôi nước ta chưa ổn định không phải là

     A. nhu cầu của thị trường còn nhiều biến động.
     B. dịch bệnh bùng phát và lây lan trên diện rộng.
     C. hình thức chăn nuôi quảng canh vẫn phổ biến.
     D. giá cả sản phẩm chăn nuôi trên thị trường cao.

**Câu 32**. Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế của nước ta vì

     A. nước ta nằm tiếp giáp với Biển Đông.
     B. nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến.
     C. đồi núi thấp chiếm 85% diện tích lãnh thổ.
     D. nước ta nằm trong khu vực Châu Á gió mùa.

**Câu 33**. Điều kiện thuận lợi của vùng biển nước ta để phát triển du lịch biển đảo là

     A. có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
     B. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.
     C. có nhiều sa khoáng và thềm lục địa có dầu mỏ.
     D. sinh vật biển phong phú, giàu thành phần loài.

**Câu 34** .Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là

     A. giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.
     B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.
     C. khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.
     D. tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

**Câu 35**. Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta là

     A. xây dựng các nhà máy quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động.
     B. đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đô thị.
     C. khôi phục và đẩy mạnh phát triển các làng nghề thủ công truyền thống.
     D. đẩy mạnh phát triển các hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở đô thị.

**Câu 36** .Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng nông sản sau thu hoạch ở nước ta

     A.sử dụng các hóa phẩm bảo vệ nông sản.
     B. nâng cao năng suất các loại nông sản.
     C.đầu tư công nghệ chế biến và bảo quản.
     D. đẩy mạnh cơ giới hóa khâu sản xuất.

**Câu 37**. Biện pháp có hiệu quả nhất để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc hiện nay là

     A. thực hiện các kỹ thuật canh tác .
     B. phát triển mạnh thủy lợi.
     C.phát triển mô hình nông - lâm kết hợp.
     D. xóa đói giảm nghèo cho người dân.

**Câu 38** .Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2016**

*(Đơn vị :%)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2010 | 2012 | 2016 |
| Tổng diện tích | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 |
| Cây hàng năm | 34,5 | 28,4 | 24,7 | 23,9 |
| Cây lâu năm | 65,5 | 71,6 | 75,3 | 76,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 2005 đến 2016?

     A.Cột chồng.
     B.Đường.
     C.Tròn.
     D.Miền.

**Câu 39**. Đặc điểm xã hội của Đông Nam Á không phải là

     A.có tỉ lệ dân số biết chữ và trình độ văn hóa còn thấp.
     B.các quốc gia trong khu vực có nhiều dân tộc sinh sống.
     C.phong tục, tập quán của các nước có nét tương đồng.
     D.là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới.

**Câu 40**. Xu hướng đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta dựa trên lợi thế nào của tự nhiên?

     A.Nguồn nhiệt, ẩm dồi dào.
     B.Sự phân mùa khí hậu.
     C.Thiên nhiên chịu ảnh hưởng của biển.
     D.Thiên nhiên phân hóa theo đai cao.

= = = = = HẾT = = = = =

**Phần 2: Đáp án**

Sau khi làm xong bài thi, các em so sánh kết quả bài làm với đáp án dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Đáp án | Câu hỏi | Đáp án | Câu hỏi | Đáp án | Câu hỏi | Đáp án |
| 1 | **A** | 11 | **A** | 21 | **B** | 31 | **D** |
| 2 | **D** | 12 | **D** | 22 | **A** | 32 | **C** |
| 3 | **D** | 13 | **A** | 23 | **C** | 33 | **A** |
| 4 | **C** | 14 | **B** | 24 | **B** | 34 | **D** |
| 5 | **D** | 15 | **C** | 25 | **C** | 35 | **D** |
| 6 | **B** | 16 | **C** | 26 | **A** | 36 | **C** |
| 7 | **C** | 17 | **D** | 27 | **B** | 37 | **C** |
| 8 | **C** | 18 | **B** | 28 | **B** | 38 | **D** |
| 9 | **A** | 19 | **C** | 29 | **B** | 39 | **A** |
| 10 | **B** | 20 | **C** | 30 | **D** | 40 | **A** |

   Mong rằng **đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Địa có đáp án mã đề 318** này sẽ là tư liệu tham khảo giúp rèn luyện và nâng cao kĩ năng giải đề thi, nâng cao kiến thức cho bản thân để tự tin hơn khi bước vào kì thi chính thức.

*Chúc các em đạt đi cao.*

*Tham khảo thêm các bộ đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Địa có đáp an khác tại*

[**https://doctailieu.com/de-thi-thu-thpt/mon-dia-c12201**](https://doctailieu.com/de-thi-thu-thpt/mon-dia-c12201)